

# Báo cáo Thị trường Thép

## Quý I 2026

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường thép trong nước và thế giới.



# Mục lục

Tóm tắt .....	03
<b>Phần I: Thị trường thép thế giới .....</b>	<b>05</b>
1. Sản xuất .....	06
2. Thương mại .....	06
3. Dự báo .....	09
<b>Phần II: Thị trường thép Trung Quốc .....</b>	<b>11</b>
1. Sản lượng .....	12
2. Xuất nhập khẩu, tồn kho .....	13
3. Diễn biến giá .....	14
<b>Phần III: Thị trường thép Việt Nam .....</b>	<b>16</b>
1. Nguồn cung .....	17
2. Diễn biến giá .....	21
3. Dự báo .....	23
<b>Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành .....</b>	<b>25</b>
<b>Phụ lục .....</b>	<b>28</b>

## Viết tắt, giải nghĩa

**CISA:** Hiệp hội Thép Trung Quốc

**Eurofer:** Hiệp hội thép châu Âu

**HRC:** Thép cuộn cán nóng

**SHFE:** Sở giao dịch Hàng hóa  
Thượng Hải

**VCCI:** Liên đoàn Thương mại và Công  
nghiệp Việt Nam

**VSA:** Hiệp hội Thép Việt Nam

**Worldsteel:** Hiệp hội Thép Thế giới

*Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.*

# Tóm tắt

## Thị trường Thép Thế giới

- **Sản lượng:** Sản lượng thép thô toàn cầu tháng 3/2026 đạt 159,9 triệu tấn, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung Quý I/2026, sản lượng toàn cầu giảm 2,3%, trong đó Trung Quốc giảm 4,6% nhưng Ấn Độ và Mỹ vẫn duy trì mức tăng trưởng tốt (lần lượt tăng 10,8% và 5,7%).
- **Thương mại:** Xu hướng bảo hộ gia tăng khi Anh chính thức nâng gấp đôi thuế nhập khẩu thép vượt hạn ngạch lên mức 50% từ ngày 1/7.
- **Giá cả:** Giá thép cán nóng (HRC) tăng mạnh tại EU (tăng khoảng 5,8 - 5,9%) và Mỹ (tăng 3,3%) trong tháng 3 nhờ các chính sách điều chỉnh giá của nhà máy và tác động từ cơ chế CBAM.
- **Dự báo:** Nhu cầu thép thế giới dự kiến tăng trưởng nhẹ 0,3% trong năm 2026 và phục hồi mạnh hơn ở mức 2,2% vào năm 2027.

## Thị trường Thép Trung Quốc

- **Sản xuất:** Sản lượng thép thô Quý I đạt 247,55 triệu tấn, giảm 4,6% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận của các nhà máy bị thu hẹp đáng kể do chi phí nguyên liệu đầu vào (quặng sắt, than mỡ) duy trì ở mức cao trong khi cầu nội địa từ bất động sản vẫn rất yếu.
- **Thương mại:** Xuất khẩu thép Quý I giảm 9,9% và nhập khẩu giảm 14,1% do rào cản thương mại gia tăng và nhu cầu nội địa thấp.
- **Giá cả:** Giá thép thanh kỳ hạn tại Thượng Hải chỉ tăng nhẹ 0,5% so với đầu năm, cho thấy thị trường vẫn đang trong giai đoạn điều chỉnh và chưa thể bứt phá do áp lực tồn kho cao.

## Thị trường Thép Việt Nam

- **Sản xuất:** Ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ với sản lượng thép thô Quý I đạt hơn 7,16 triệu tấn (tăng 23,3%) và thép thành phẩm đạt hơn 8,53 triệu tấn (tăng 14,4%) — mức cao nhất trong vòng 5 năm qua.
- **Tiêu thụ:** Bán hàng thép thành phẩm Quý I đạt 8,66 triệu tấn, tăng 15,5%. Điểm sáng lớn nhất là thép xây dựng tăng vọt 29,1% nhờ động lực từ đầu tư công (giải ngân đạt 11% kế hoạch), sự khởi động của các dự án bất động sản và các dự án nhà ở xã hội.

# Tóm tắt

- **Xuất khẩu:** Tổng lượng xuất khẩu thép thành phẩm Quý I đạt 1,29 triệu tấn, giảm 8,2% do rào cản phòng vệ thương mại tại các nước. Tuy nhiên, HRC là “điểm sáng” khi sản lượng xuất khẩu tăng hơn 2 lần nhờ tận dụng sự gián đoạn nguồn cung từ Iran.
- **Diễn biến giá:** Giá nguyên liệu đầu vào tăng liên tục gây áp lực “chi phí đẩy”. Giá thép xây dựng nội địa trong Quý I đã có 4-6 đợt điều chỉnh tăng với tổng mức tăng từ 1.200 - 1.450 VNĐ/kg.
- **Dự báo:** Nhu cầu tiêu thụ dự kiến duy trì tích cực đến hết Quý II/2026. Giá thép xây dựng có thể sớm chạm mốc 16 triệu đồng/tấn nếu các xung đột địa chính trị tiếp tục đẩy chi phí năng lượng và logistics lên cao
- **Doanh nghiệp:** Nhóm doanh nghiệp sản xuất thép như Hoà Phát tiếp tục ghi nhận một quý kinh doanh khả quan. Trái lại bức tranh kinh doanh nhóm tôn mạ tiếp tục âm ảm trong bối cảnh xuất khẩu suy yếu do chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và sự cạnh tranh gay gắt từ thép Trung Quốc trên thị trường quốc tế.



Phần I:

# Thị trường thép thế giới



## 1 Sản xuất

Sản lượng thép thô toàn cầu của 69 quốc gia báo cáo lên Hiệp hội Thép Thế giới đạt 159,9 triệu tấn (Mt) trong tháng 3/2026, giảm 4,2% so với tháng 3/2025 (**Bảng 1, 2**).

69 quốc gia trong bảng chiếm khoảng 98% tổng sản lượng thép thô toàn cầu năm 2025.

## 2 Thương mại

### Anh chính thức nâng gấp đôi thuế nhập khẩu thép vượt hạn ngạch

Reuters dẫn thông tin từ chính phủ Anh cho biết nước này sẽ giảm hạn ngạch nhập khẩu thép được miễn thuế và tăng gấp đôi mức thuế đối với lượng nhập khẩu vượt hạn ngạch, qua đó khởi động kế hoạch bảo vệ ngành thép quy mô nhỏ nhưng có ý nghĩa chiến lược và chính trị.

**Bảng 1: Sản xuất thép thô từ 71 quốc gia, chia theo khu vực**

69 quốc gia này chiếm khoảng 98% sản lượng thép thô toàn cầu năm 2024. Nguồn: Worldsteel.

STT	Khu vực	Sản lượng tháng 3/2026 (triệu tấn)	% thay đổi so với 2025	Sản lượng 3 tháng 2026 (triệu tấn)	% thay đổi 3 tháng 2026 so với 2025
1	Châu Phi	2,2	▲ 11,6%	6,3	▲ 7,4%
2	Châu Á và châu Đại Dương	119,3	▼ 3,9%	341,7	▼ 2,2%
3	EU (27)	11,4	▼ 4,6%	31,7	▼ 2,6%
4	Châu Âu khác	3,8	▲ 4,9%	10,9	▲ 3,9%
5	Trung Đông	3,5	▼ 33,5%	12,0	▼ 9,3%
6	Bắc Mỹ	9,5	▲ 3,5%	27,5	▲ 2,3%
7	Nga & CIS khác + Ukraine	6,6	▼ 7,9%	18,9	▼ 9,8%
8	Nam Mỹ	3,6	▼ 0,5%	10,2	▼ 1,9%
<b>Tổng</b>	<b>69 quốc gia</b>	<b>159,9</b>	<b>▼ 4,2%</b>	<b>459,2</b>	<b>▼ 2,3%</b>

**Bảng 2: Sản lượng thép thô 10 quốc gia có sản lượng thép thô lớn nhất thế giới**

Nguồn: Worldsteel.

STT	Quốc gia	Sản lượng tháng 3/2026 (triệu tấn)	% thay đổi so với 2025	Sản lượng 3 tháng 2026 (triệu tấn)	% thay đổi 3 tháng 2026 so với 2025
1	Trung Quốc	87,0	▼ 6,3%	247,6	▼ 4,6%
2	Ấn Độ	15,3	▲ 9,4%	44,7	▲ 10,8%
3	Mỹ	7,2	▲ 5,2%	21,0	▲ 5,7%
4	Nhật Bản	6,9	▼ 4,1%	20,1	▼ 1,7%
5	Hàn Quốc	5,4	▲ 1,5%	15,8	▲ 1,8%
6	Nga (ước tính)	5,4	▼ 11,4%	15,8	▼ 10,7%
7	Thổ Nhĩ Kỳ	3,3	▲ 6,4%	9,7	▲ 5,3%
8	Đức	3,3	▲ 7,5%	9,3	▲ 9,0%
9	Brazil	2,8	▼ 2,5%	8,1	▼ 3,1%
10	Việt Nam (ước tính)	2,2	▲ 5,7%	6,4	▲ 10,0%

Các nhà sản xuất thép đã gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì hoạt động sau nhiều thập kỷ suy giảm do quá trình phi công nghiệp hóa kéo dài, cùng với đó là chi phí năng lượng cao và tình trạng dư cung thép giá rẻ trên toàn cầu trong thời gian gần đây.

Chính phủ sẽ cắt giảm 60% lượng thép có thể nhập khẩu mà không phải chịu thuế. Phần nhập khẩu vượt mức mới này sẽ chịu thuế 50%, gấp đôi mức 25% trước đó. Các thay đổi sẽ có hiệu lực từ ngày 1/7.

Động thái này đưa mức thuế của Anh tương đồng với các đợt tăng thuế gần đây tại Mỹ và các đề xuất của Liên minh châu Âu, trong bối cảnh căng thẳng thương mại toàn cầu gia tăng khi Tổng thống Donald Trump sử dụng các biện pháp thương mại nhằm thúc đẩy chương trình “Nước Mỹ trên hết”.

Chính phủ Anh cũng cho biết Quỹ Tài sản Quốc gia sẽ cung cấp tối đa 2,5 tỷ bảng Anh (3,33 tỷ USD) để hỗ trợ tài chính cho đầu tư trong ngành. Đồng thời, nước này đặt mục tiêu 50% lượng thép sử dụng tại Anh sẽ được sản xuất trong nước, tăng so với mục tiêu hiện tại là 30%.

Ngành thép chỉ chiếm 0,1% tổng sản lượng kinh tế của Anh trong năm 2024 nhưng tạo ra 37.000 việc làm, đa phần tập trung tại các khu vực trọng điểm của Đảng Lao động cầm quyền, vốn có nguồn gốc từ phong trào công đoàn gắn liền với di sản công nghiệp của Anh.

Hai trong số các nhà sản xuất thép lớn nhất nước này đã gặp khó khăn tài chính trong những năm gần đây.

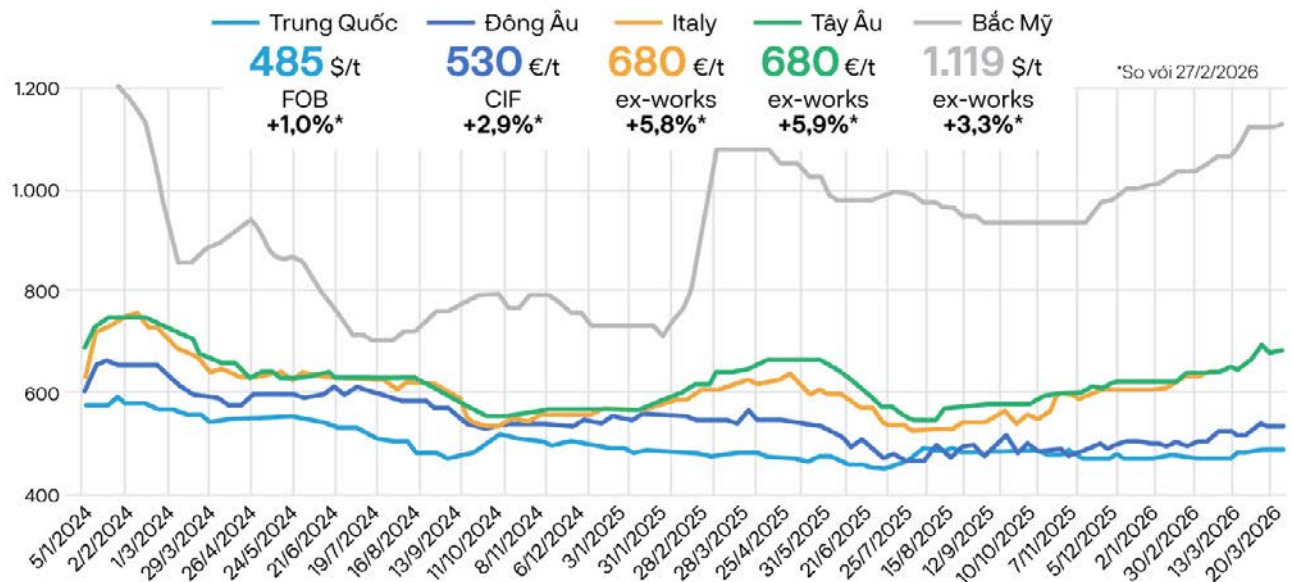
Tata Steel đã đóng cửa các lò cao tại Port Talbot, trong khi chính phủ buộc phải tiếp quản British Steel để ngăn chặn việc đóng cửa nhà máy tại Scunthorpe dưới quyền sở hữu của tập đoàn Trung Quốc Jingye, đồng thời phải gánh chịu chi phí lớn trong quá trình này.

**Giá thép**

Giá thép cuộn cán nóng (HRC) toàn cầu tăng tại hầu hết các khu vực trọng điểm trong tháng 3/2026, với mức tăng 1–6% so với tháng trước. Đến cuối quý I, thị trường ghi nhận sự phục hồi rõ rệt: giá chào hiện cao hơn 3–15% so với cuối năm 2025. Trong khi đó, Trung Quốc tiếp tục là khu vực có diễn biến yếu nhất (Biểu đồ 1).

**Biểu đồ 1: Giá thép HRC tại một số thị trường từ 2024 đến tháng 3/2026**

Nguồn: GMK Center.



**Liên minh châu Âu (EU):** Thị trường châu Âu là động lực chính của đợt tăng giá trong tháng 3. Tại Tây Âu, trong giai đoạn từ ngày 27/2 đến 27/3, giá HRC tăng 5,9% lên 715 euro/tấn xuất xưởng, mức cao nhất kể từ tháng 3/2024. Tại Italy, giá tăng 5,8% so với tháng trước lên 685 euro/tấn xuất xưởng, trong khi giá chào nhập khẩu tại Nam Âu tăng 2,9% lên 530 euro/tấn CIF, cũng tiệm cận mức cao nhất trong năm.

Đà tăng chủ yếu do nguồn cung hạn chế. Các nhà sản xuất châu Âu liên tục thúc đẩy thiết lập mặt bằng giá mới, viện dẫn gián đoạn sản xuất tại các nhà máy ở Tây Ban Nha và Pháp, nguồn cung sản phẩm tại Nam Âu suy giảm, cũng như nguồn cung thép cán nguội và tôn mạ thất chặt. Một yếu tố bổ sung là thời gian giao hàng kéo dài, giúp củng cố vị thế đàm phán của các nhà máy.

Trong khi đó, nhu cầu không đủ mạnh để hỗ trợ thị trường. Các trung tâm dịch vụ và nhà phân phối chủ yếu sử dụng hàng tồn kho hiện có và chỉ tham gia thị trường khi cần mua giao ngay. Một số khách hàng đã tích trữ hàng trong năm 2025 để chuẩn bị cho Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM), do đó các đợt tăng giá gần đây không đi kèm với sự gia tăng đáng kể về tiêu thụ thực tế.

Yếu tố nhập khẩu cũng suy yếu vai trò gây áp lực giá. Tâm lý người mua bị ảnh hưởng bởi sự không chắc chắn xung quanh CBAM, việc hạn ngạch của Thổ Nhĩ Kỳ cạn kiệt, dự kiến áp dụng cơ chế bảo hộ mới từ tháng 7, cùng với chi phí năng lượng, logistics và vận tải tăng cao. Trong ngắn hạn, thị trường châu Âu nhiều khả năng duy trì ổn định tương đối, nhưng dư địa tăng thêm bị hạn chế do nhu cầu yếu và lượng tồn kho lớn trong chuỗi cung ứng.

**Mỹ:** Thị trường Mỹ tiếp tục xu hướng tăng trong tháng 3, dù động lực có phần khác biệt. Giá HRC tăng 3,3% trong tháng lên 1.118,8 USD/tấn — mức cao nhất kể từ tháng 2/2024. Giá hiện cao hơn 17,9% so với mức trung bình năm 2025 và cao hơn 9,7% so với cuối năm ngoái.

Yếu tố chính vẫn là hành động của các nhà sản xuất. Đáng chú ý là chuỗi 10 tuần tăng giá liên tiếp của Nucor, qua đó thiết lập mặt bằng giá mới cho các cuộc đàm phán. Đồng thời, thị trường được hỗ trợ bởi việc một số nhà sản xuất hạn chế bán giao ngay, khó khăn trong việc đảm bảo nguyên liệu đầu vào tại một số nhà máy và tình trạng chậm giao hàng. Điều này đặc biệt rõ ở phân khúc thép cán nguội và tôn phủ, nơi thời gian giao hàng kéo dài hơn đáng kể.

Ở chiều ngược lại, nhu cầu nội địa tại Mỹ tỏ ra vững hơn so với châu Âu. Các nhà phân phối ghi nhận hoạt động kinh doanh khá sôi động, công suất sản xuất được khai thác tích cực và các trung tâm dịch vụ tăng cường tích trữ hàng. Điều này giúp thị trường dễ dàng chấp nhận mức giá mới hơn.

Tình hình nhập khẩu cũng đóng vai trò hỗ trợ riêng. Dù giá nội địa cao khiến nguồn cung nước ngoài trở nên hấp dẫn về lý thuyết, áp lực cạnh tranh thực tế vẫn hạn chế do xung đột tại Trung Đông, chi phí vận tải tăng, gián đoạn logistics và sự không chắc chắn về thời gian giao hàng. Trong ngắn hạn, xu hướng tăng có thể tiếp diễn, dù thị trường có thể bước vào giai đoạn tăng chậm hơn nếu người mua trở nên thận trọng với các đợt tăng giá mới.

**Trung Quốc:** Trong suốt giai đoạn này, thị trường HRC Trung Quốc là khu vực kém sôi động nhất trong các thị trường lớn. Mức tăng theo tháng chỉ đạt 1%, với giá xuất khẩu đạt 485 USD/tấn FOB — tương đương mức cuối tháng 10 năm ngoái.

Không giống như EU và Mỹ, thị trường Trung Quốc thiếu động lực nội địa đủ mạnh để phục hồi rõ rệt hơn. Sau kỳ nghỉ lễ, nhu cầu phục hồi chậm, trong khi tình trạng dư cung tại một số khu vực tiếp tục gây áp lực lên giá. Tại miền Đông, đặc biệt là khu vực Thượng Hải, tồn kho vẫn ở mức cao do lượng hàng từ phía Bắc đổ về, hạn chế khả năng tăng giá.

Một số tín hiệu tích cực đến từ các thị trường liên quan. Giá quặng sắt, than luyện cốc và dầu tăng, cùng với các đợt tăng trên thị trường kỳ hạn, đã cải thiện tâm lý thị trường. Tuy nhiên, tác động này chủ yếu mang tính ngắn hạn và không làm thay đổi bức tranh chung, do nhu cầu tiêu thụ cuối cùng vẫn yếu.

Xuất khẩu cũng không tạo được lực đỡ đủ mạnh. Dù đồng nhân dân tệ mạnh lên hỗ trợ giá trong giai đoạn đầu, các yếu tố khác sau đó chi phối thị trường, bao gồm nhu cầu mua yếu, cước vận tải tăng mạnh và rủi ro logistics liên quan đến xung đột tại Trung Đông. Một số nhà cung cấp cố gắng chuyển hướng sang Nam Á và Đông Nam Á, nhưng việc chốt đơn hàng mới gặp khó khăn.

Nhiều khả năng, thị trường Trung Quốc sẽ tiếp tục dao động trong biên độ hẹp trong thời gian tới. Sự hỗ trợ có thể đến từ yếu tố nguyên liệu đầu vào và xu hướng giảm dần tồn kho, nhưng nhu cầu yếu và khó khăn tại thị trường xuất khẩu sẽ tiếp tục kìm hãm đà tăng.

### 3 Dự báo

Theo báo cáo Triển vọng Ngắn hạn (SRO) tháng 4/2026 của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), triển vọng thị trường thép toàn cầu trong thời gian tới đang bước vào giai đoạn chuyển đổi từ trì trệ sang phục hồi khiếm tốn trước khi tăng tốc mạnh mẽ hơn

Dưới đây là các điểm chính về triển vọng thị trường thép thế giới trong giai đoạn 2026–2027:

#### 1. Tổng quan tăng trưởng toàn cầu

- **Dự báo tăng trưởng:** Nhu cầu thép toàn cầu được dự báo sẽ tăng 0,3% trong năm 2026, đạt mức 1.724 triệu tấn. Bước sang năm 2027, tốc độ tăng trưởng dự kiến sẽ tăng tốc đáng kể lên mức 2,2%, đạt 1.762 triệu tấn.

- **Xu hướng phục hồi:** worldsteel nhận định nhu cầu thép thế giới đang tạo đáy trong giai đoạn 2025–2026 sau một thời kỳ điều chỉnh cấu trúc kéo dài gây sụt giảm từ năm 2022.

#### 2. Triển vọng tại các khu vực trọng điểm

- **Trung Quốc:** Tình trạng sụt giảm nhu cầu tại đây đang có dấu hiệu chậm lại, dự kiến thu hẹp mức giảm còn -1,5% vào năm 2026 khi thị trường nhà ở dần chậm đáy. Đến năm 2027, nhu cầu thép tại Trung Quốc được kỳ vọng sẽ đi ngang, kết thúc giai đoạn chịu áp lực giảm từ lĩnh vực bất động sản bắt đầu từ năm 2021.

- **Ấn Độ:** Tiếp tục giữ vững vị thế là thị trường thép lớn phát triển nhanh nhất thế giới với mức tăng trưởng dự báo đạt 7,4% năm 2026 và bứt phá lên 9,2% vào năm 2027 nhờ sự thúc đẩy mạnh mẽ từ xây dựng hạ tầng, ô tô và hàng hóa vốn.

- **Các nền kinh tế phát triển:** Sau khi chấm dứt chuỗi 3 năm sụt giảm liên tiếp vào năm 2025, nhu cầu tại nhóm này dự kiến sẽ ổn định và phục hồi dần với mức tăng 1,0% năm 2026 và 2,3% năm 2027. Trong đó, Mỹ được hỗ trợ bởi đầu tư công và xây dựng nhà ở, còn EU hưởng lợi từ chi tiêu quốc phòng, hạ tầng và thu nhập hộ gia đình cải thiện.
- **ASEAN và Châu Phi:** Nhu cầu tại các nước ASEAN dự kiến sẽ tạm thời giảm tốc vào năm 2026 sau khi tích trữ mạnh trong năm 2025 trước khi tăng trưởng trở lại. Trong khi đó, Châu Phi ghi nhận sự trở dậy mạnh mẽ trong tiêu thụ thép nhờ quá trình đô thị hóa và phát triển cơ sở hạ tầng quy mô lớn.

### 3. Các rủi ro và biến số cần lưu ý

- **Xung đột Trung Đông:** Đây là rủi ro lớn nhất có thể khiến nhu cầu thép tại khu vực này giảm sâu trong năm 2026 và tạo ra các kịch bản tiêu cực cho các khu vực nhạy cảm với năng lượng nếu căng thẳng kéo dài quá quý II năm 2026
- **Rào cản thương mại:** Môi trường thương mại toàn cầu trở nên khó khăn hơn là rủi ro đáng kể đối với lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu của Trung Quốc, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến nhu cầu thép.
- **Chi phí và lãi suất:** Tại Mỹ, mặc dù nhu cầu phục hồi nhưng vẫn chịu áp lực từ chi phí vật liệu cao, lãi suất thế chấp lớn và tình trạng thiếu hụt lao động trong ngành xây dựng. ■

Phần II:

# Thị trường thép Trung Quốc



## 1 Sản lượng

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), trong quý I/2026, ngành thép Trung Quốc tiếp tục ghi nhận xu hướng suy giảm rõ rệt cả về sản lượng và hiệu quả hoạt động, phản ánh giai đoạn điều chỉnh mang tính cấu trúc của ngành. Tổng sản lượng thép quý I đạt 247,55 triệu tấn, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm trước, trong khi riêng tháng 3 giảm sâu hơn 6,3% so với cùng kỳ năm trước xuống 87,04 triệu tấn, mức thấp nhất cho tháng 3 kể từ năm 2020. Sản lượng bình quân ngày cũng giảm từ 2,99 triệu tấn xuống 2,81 triệu tấn, cho thấy xu hướng suy giảm mang tính liên tục chứ không phải biến động ngắn hạn.

Nguyên nhân chính đến từ việc biên lợi nhuận của các nhà máy thép bị thu hẹp đáng kể do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng, đặc biệt là quặng sắt, trong khi giá thép thành phẩm không tăng tương ứng do tồn kho lớn trong hệ thống phân phối. Trong bối cảnh đó, tỷ lệ nhà máy có lãi trong tháng 3 chỉ còn khoảng 41%, giảm so với 53% cùng kỳ năm trước, khiến nhiều doanh nghiệp buộc phải duy trì sản lượng thấp để bảo toàn dòng tiền thay vì mở rộng sản xuất.

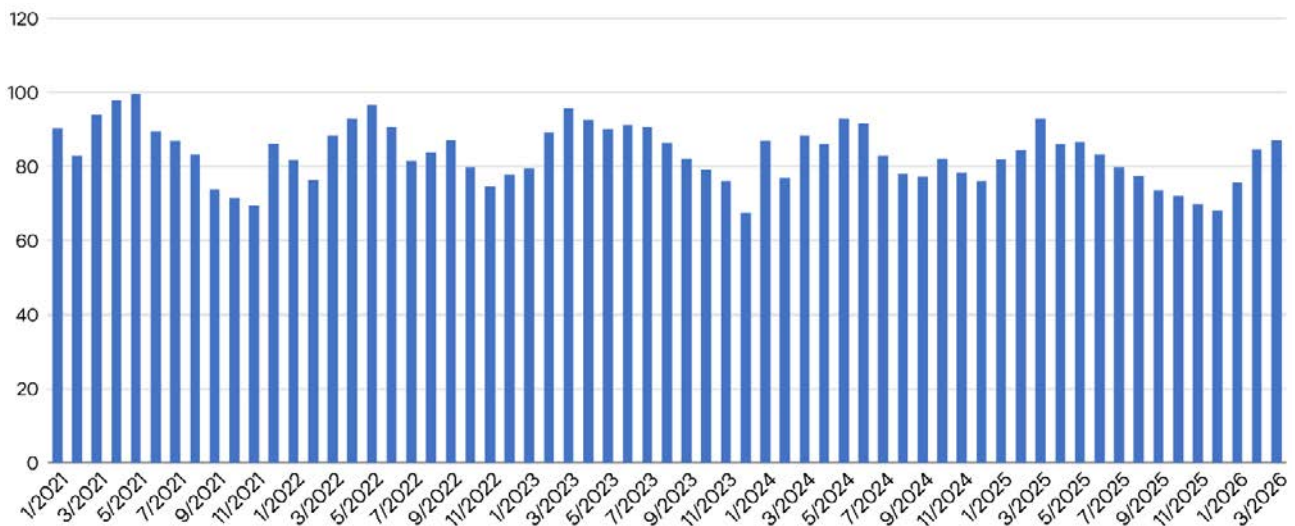
Về phía cầu, thị trường bất động sản tiếp tục là yếu tố gây áp lực lớn lên tiêu thụ thép.

Trong quý I/2026, đầu tư bất động sản giảm 11,2% so với cùng kỳ năm trước, doanh số bán nhà giảm 10,4% so với cùng kỳ năm trước, trong khi diện tích xây dựng và khởi công mới lần lượt giảm 11,7% và 20,3% so với cùng kỳ năm trước. Sự suy yếu kéo dài của lĩnh vực này khiến nhu cầu thép xây dựng tiếp tục thu hẹp, dù tỷ trọng tiêu thụ của ngành xây dựng trong tổng nhu cầu thép đã giảm xuống 49% năm 2025, từ mức 58% năm 2020. Ngược lại, tiêu thụ từ ngành sản xuất công nghiệp đã tăng lên 51%, cho thấy sự dịch chuyển cơ cấu nhưng chưa đủ để bù đắp phần suy giảm từ bất động sản.

Song song với diễn biến thị trường, Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh tái cấu trúc ngành thép nhằm xử lý tình trạng dư cung kéo dài. Các cơ quan quản lý và Hiệp hội Sắt thép Trung Quốc nhấn mạnh định hướng không cho phép mở rộng công suất mới, đồng thời thúc đẩy loại bỏ các dây chuyền sản xuất lạc hậu, tiêu hao năng lượng cao và phát thải lớn. Năm 2026 được xác định là giai đoạn quan trọng trong quá trình giảm công suất và tối ưu hóa cơ cấu ngành thép (**Biểu đồ 2**).

**Biểu đồ 2: Sản lượng thép Trung Quốc giai đoạn 2021-2026**

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: NBS.



## 2 Xuất nhập khẩu, tồn kho

Hoạt động thương mại thép của Trung Quốc trong quý I/2026 tiếp tục suy yếu theo xu hướng giảm của nhu cầu toàn cầu.

Cụ thể, xuất khẩu thép quý I đạt 24,71 triệu tấn, giảm 9,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, nhập khẩu giảm 14,1% so với cùng kỳ năm trước xuống còn 1,34 triệu tấn, do nhu cầu nội địa yếu, đặc biệt từ lĩnh vực bất động sản và xây dựng.

Trong riêng tháng 3, xuất khẩu thép thành phẩm đạt 9,135 triệu tấn, thấp hơn 12,6% so với cùng tháng năm 2025, cho thấy hoạt động xuất khẩu chắc chắn đã giảm so với mức đỉnh của năm ngoái. Sự suy giảm xuất khẩu chủ yếu đến từ việc gia tăng các rào cản thương mại trên toàn cầu, chính sách cấp phép xuất khẩu của Trung Quốc nhằm kiểm soát thị trường nội địa, cũng như rủi ro địa chính trị khiến dòng chảy thương mại thiếu ổn định.

Tuy nhiên, con số của tháng 3 vẫn cao hơn 16,6% so với tháng 2, do mức nền thấp của tháng 2 trùng kỳ nghỉ lễ và số ngày làm việc ít hơn. Ngoài ra, nhu cầu thép của Trung Quốc cũng cải thiện sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, góp phần làm tăng xuất khẩu thép theo tháng trong tháng 3.

Nhìn chung, khối lượng xuất khẩu hàng tháng trên 9 triệu tấn vẫn được các nguồn tin thị trường đánh giá là “tốt”, trong bối cảnh có nhiều thách thức về logistics, chi phí biến động và cạnh tranh cao.

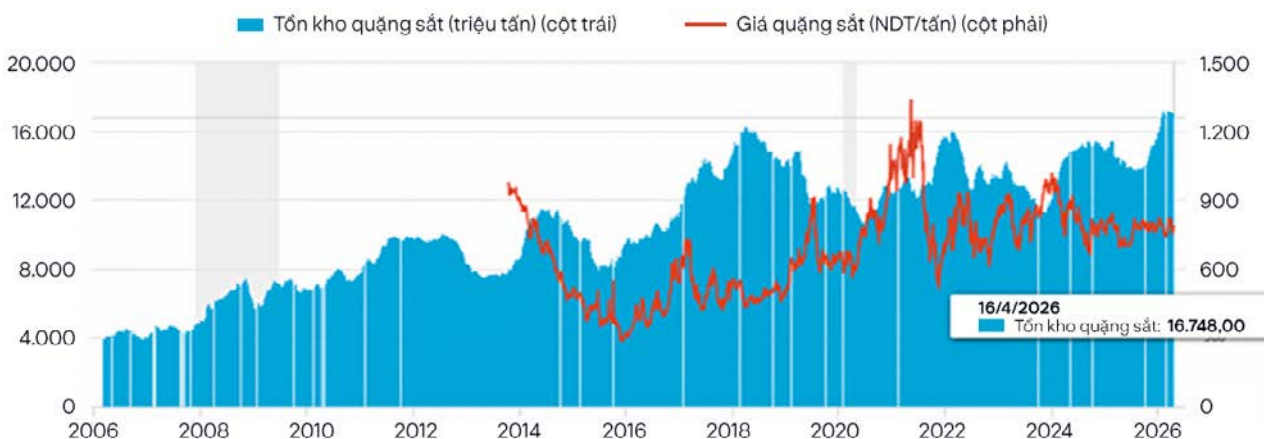
Về giá, trung bình giá xuất khẩu thép tháng 3 giảm xuống còn 684,7 USD/tấn, giảm so với tháng 2, trong khi giá nhập khẩu giảm nhẹ xuống 1.710 USD/tấn. Điều này phản ánh thị trường thép Trung Quốc đang trong trạng thái điều chỉnh theo hướng giảm cầu, đồng thời chịu áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ các thị trường xuất khẩu khác.

Ở chiều nguyên liệu, nhập khẩu quặng sắt vẫn duy trì tăng trưởng, đạt 314,8 triệu tấn trong quý I, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước, bất chấp sản lượng thép giảm. Điều này cho thấy Trung Quốc vẫn ưu tiên đảm bảo nguồn cung nguyên liệu đầu vào trong bối cảnh thị trường toàn cầu biến động. Đáng chú ý, thỏa thuận trở lại giữa BHP và China Mineral Resources Group vào ngày 22/4 đã giúp ổn định dòng thương mại quặng sắt, giảm áp lực đàm phán giá và đảm bảo nguồn cung dài hạn cho các nhà máy thép.

Tại ngày 16/4, tồn kho quặng sắt tại các cảng lớn ở Trung Quốc ghi nhận hơn 167,48 triệu tấn, thấp hơn hồi đầu tháng khoảng 315 ngàn tấn (**Biểu đồ 3, 4**).

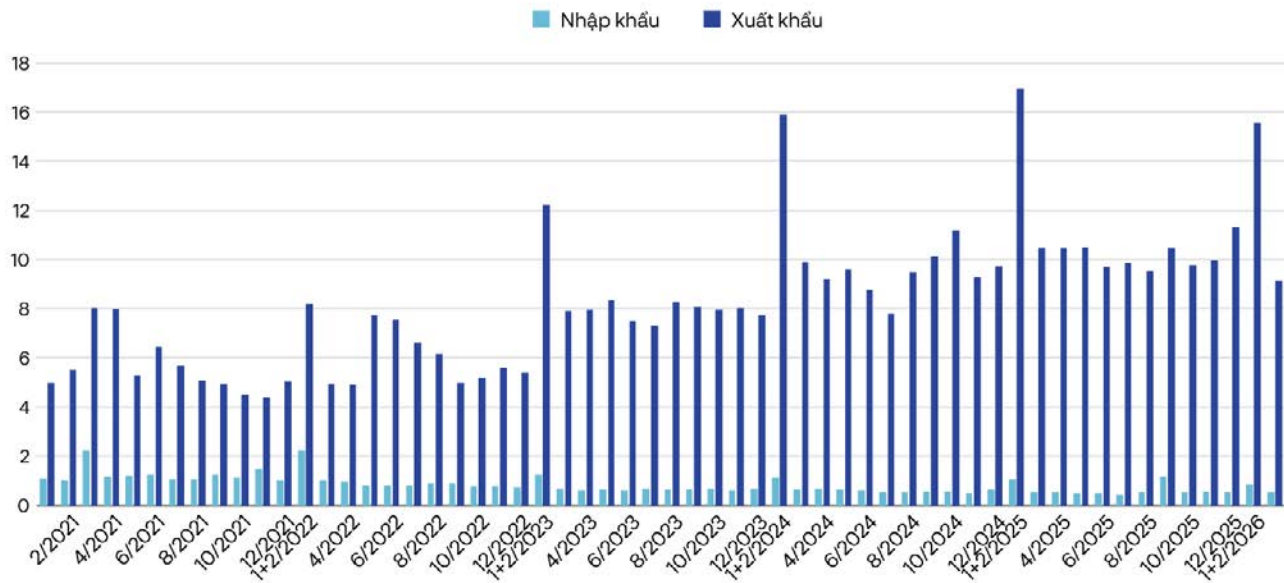
**Biểu đồ 3: Diễn biến tồn kho quặng sắt tại Trung Quốc tính đến ngày 16/4/2026**

Nguồn: MacroMicro.



**Biểu đồ 4: Diễn biến xuất nhập khẩu thép Trung Quốc**

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: Lan Hương tổng hợp NBS.



**3 Diễn biến giá**

Tính đến ngày 23/4/2026, giá thép thanh kỳ hạn tháng 5 trên sàn Thượng Hải ghi nhận 3.128 nhân dân tệ/tấn, tăng nhẹ 0,5% so với đầu năm.

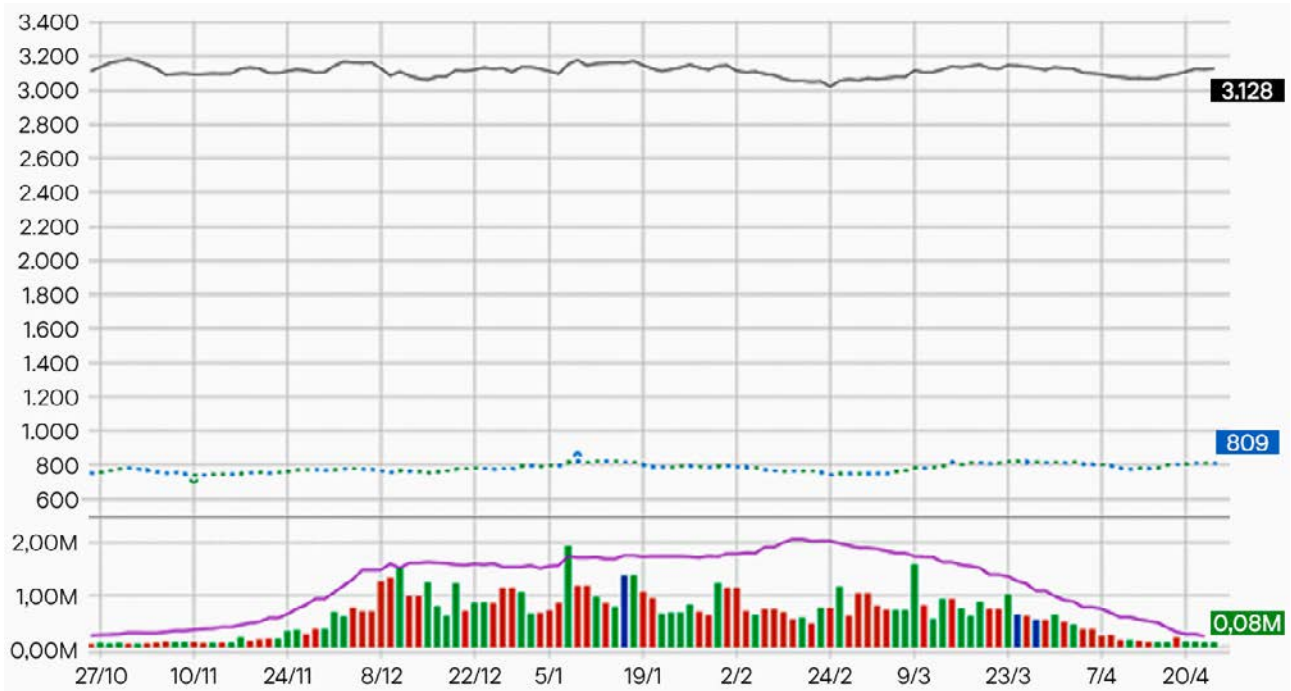
Diễn biến giá nguyên liệu đầu vào trong quý I/2026 cho thấy sự phân hóa rõ rệt giữa nguyên liệu đầu vào và sản phẩm thép thành phẩm, phản ánh tình trạng mất cân đối cung – cầu trên thị trường. Giá quặng sắt duy trì quanh mức 100–110 USD/tấn, trong khi than luyện cốc ở mức 230–240 USD/tấn, đều ở mức cao so với trung bình lịch sử. Áp lực chi phí này tiếp tục là yếu tố chính làm thu hẹp biên lợi nhuận của các nhà máy thép.

Ở chiều sản phẩm thép, China Steel (Đài Loan) đã tăng giá tháng thứ 5 liên tiếp, tăng từ 1.000 Đài tệ lên 1.200 Đài tệ/tấn vào tháng 5 tới, do chịu tác động từ giá quặng sắt, than cốc và cước vận tải biển tăng mạnh, trong bối cảnh giá dầu duy trì quanh mức 100 USD/thùng. Điều này cho thấy xu hướng tăng giá thép mang tính toàn cầu, nhưng chủ yếu xuất phát từ áp lực chi phí hơn là từ nhu cầu thực.

Tổng thể, mặc dù giá thép quốc tế có xu hướng tăng, thị trường Trung Quốc vẫn chịu áp lực do nhu cầu nội địa yếu và tồn kho cao, khiến mức tăng giá bị hạn chế và chưa đủ bù đắp chi phí đầu vào. Thị trường vì vậy vẫn trong giai đoạn điều chỉnh với biên lợi nhuận ngành duy trì ở mức thấp trong ngắn hạn **(Biểu đồ 5).** ■

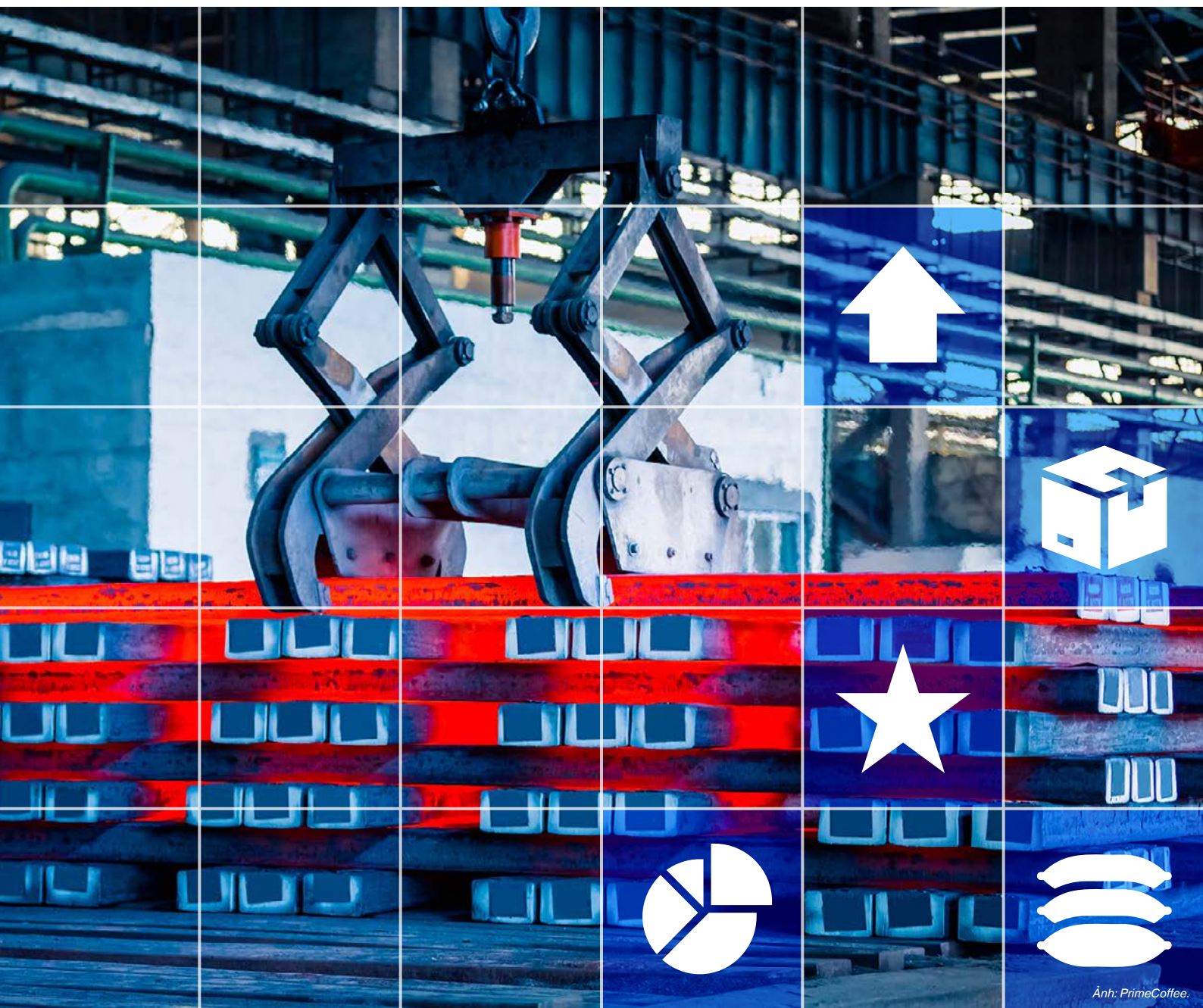
**Biểu đồ 5: Diễn biến giá thép thanh (đường đen) và quặng sắt kỳ (đường xanh) hạn tháng 5/2026 trên Sàn Thương Hải (SHFE) và Đại Liên (DCE)**

Đơn vị: NDT/tấn. Nguồn: Barchart.



Phần III:

# Thị trường thép Việt Nam



**Thị trường thép của Việt Nam trong tháng 3 và quý I/2026 ghi nhận sự tăng trưởng bất phá cả về sản lượng và tiêu thụ nhờ sự phục hồi từ sản xuất công nghiệp và đẩy mạnh hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, giá thép xây dựng trong quý I đối mặt với hiện tượng “chi phí đẩy” do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng năng lượng và xung đột tại Trung Đông.**

## 1 Nguồn cung

### a. Sản xuất trong nước

Sản xuất thép của Việt Nam trong tháng 3 và quý I/2026 ghi nhận sự tăng trưởng bất phá, phản ánh sự phục hồi toàn diện của kinh tế vĩ mô với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP).

**Trong tháng 3/2026**, sản lượng **thép thô** ghi nhận đạt **2.460.416 tấn**, tăng **12,3%** so với tháng 2/2026 và tăng mạnh **18,3%** so với tháng 3/2025. Tương tự, sản xuất **thép thành phẩm các loại** đạt **3.073.218 tấn**, tăng **16,91%** so với tháng trước và tăng **13,9%** so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong cơ cấu mặt hàng tháng 3, thép xây dựng đóng góp 1.345.061 tấn, trong khi thép

cán nóng (HRC) đạt 814.790 tấn, tăng lần lượt 21,08% và 5,46% so với tháng 2/2026

**Tính chung quý I/2026**, sản lượng sản xuất thép toàn ngành đạt cột mốc vượt trội so với cùng kỳ năm 2025. Tổng sản lượng **thép thô** lũy kế 3 tháng đầu năm đạt **7.162.533 tấn**, tăng trưởng **23,3%**. Đối với **thép thành phẩm**, tổng sản lượng đạt khoảng 8.536.920 tấn, ghi nhận mức tăng **14,4%** so với Quý I/2025. Đây là mức sản lượng vượt trội nhất của ngành trong vòng 5 năm trở lại đây (**Bảng 3**).

### b. Nhập khẩu

Trong quý I/2026, lượng sắt thép thành phẩm nhập khẩu về Việt Nam ước đạt **3,59 triệu tấn**, với tổng trị giá hơn **2,56 tỷ USD**. So với cùng kỳ năm 2025, hoạt động nhập khẩu ghi nhận mức giảm lần lượt là **4,1% về lượng** và **2,9% về giá trị**.

**Về chủng loại sản phẩm:** Thép cán nóng (HRC) tiếp tục là mặt hàng chiếm tỷ trọng áp đảo trong cơ cấu nhập khẩu, ước tính chiếm tới **64%** tổng lượng thép thành phẩm nhập khẩu của cả Quý I. Các sản phẩm thép khác như thép phế, ống thép, và thép lá mạ đều chiếm tỷ trọng dưới 10%.

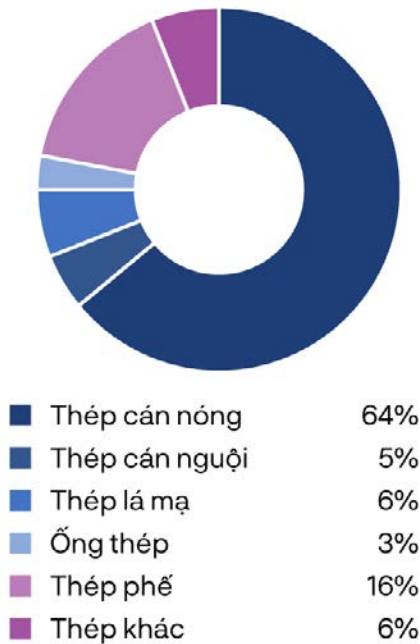
**Bảng 3: Sản lượng thép thành phẩm trong tháng 3 và lũy quý I năm 2026**

Nguồn: VSA.

	Tháng 3/2026		Quý I/2026	
	Sản lượng (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái	Sản lượng (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái
Thép xây dựng	1.345.061	▲ 20%	3.725.670	▲ 24%
Thép cán nóng (HRC)	814.790	▲ 31%	2.405.044	▲ 31%
Thép cán nguội (CRC)	252.387	▼ 1%	645.948	▼ 7%
Tôn mạ	427.234	▼ 13%	1.141.882	▼ 15%
Ống thép	233.746	▲ 12%	618.376	▲ 7%
Tổng cộng	3.073.218	▲ 14%	8.536.920	▲ 14%

**Biểu đồ 6: Nhập khẩu sản phẩm Quý I/2026 theo sản lượng**

Nguồn: VSA.



**Về thị trường cung cấp:** Trung Quốc vẫn là đối tác cung ứng thép lớn nhất cho Việt Nam, chiếm tỷ trọng **44,52%**. Tiếp theo là các khu vực và quốc gia khác như ASEAN (18,15%), Hàn Quốc (12,95%), Nhật Bản (10,71%) và Ấn Độ (7,28%) (**Biểu đồ 6,7**).

### c. Tiêu thụ

#### Tổng lượng tiêu thụ

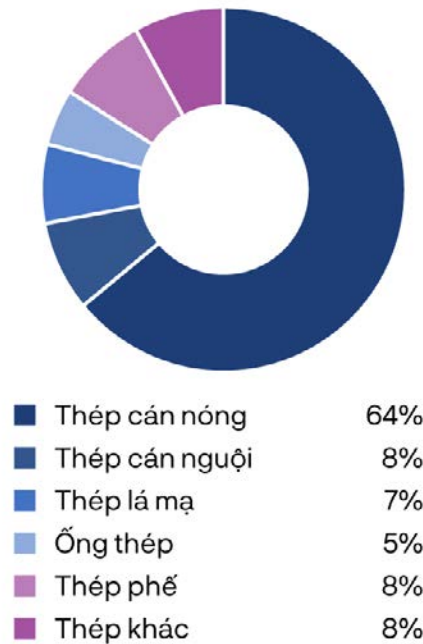
Hoạt động tiêu thụ thép của Việt Nam trong tháng 3 và Quý I/2026 ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ và tăng trưởng ấn tượng

**Trong tháng 3/2026**, thị trường tiêu thụ thép ghi nhận bước nhảy vọt so với tháng trước đó do các hoạt động xây dựng bắt đầu tăng tốc sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

Cụ thể, **tiêu thụ thép thô đạt 2.231.096 tấn, tăng 6,5%** so với tháng 2/2026 và tăng **7,4%** so với cùng kỳ năm 2025. Đối với **thép thành phẩm** các loại, lượng bán hàng đạt

**Biểu đồ 7: Nhập khẩu sản phẩm Quý I/2026 theo giá trị**

Nguồn: VSA.



**3,38 triệu tấn, tăng mạnh tới 45,96%** so với tháng trước và tăng 11,9% so với tháng 3/2025. Trong đó, điểm sáng nổi bật là mặt hàng thép xây dựng với lượng bán hàng đạt hơn **1,5 triệu tấn**, cao gấp rưỡi so với tháng 2 và tăng gần **16%** so với cùng kỳ.

**Tính chung quý I/2026**, tổng lượng tiêu thụ thép thô và thành phẩm đều đạt các cột mốc quan trọng, khẳng định đà hồi phục ổn định của ngành.

Tiêu thụ **thép thô** lũy kế 3 tháng đạt **6.821.368 tấn**, tăng trưởng **19,7%** so với Quý I/2025.

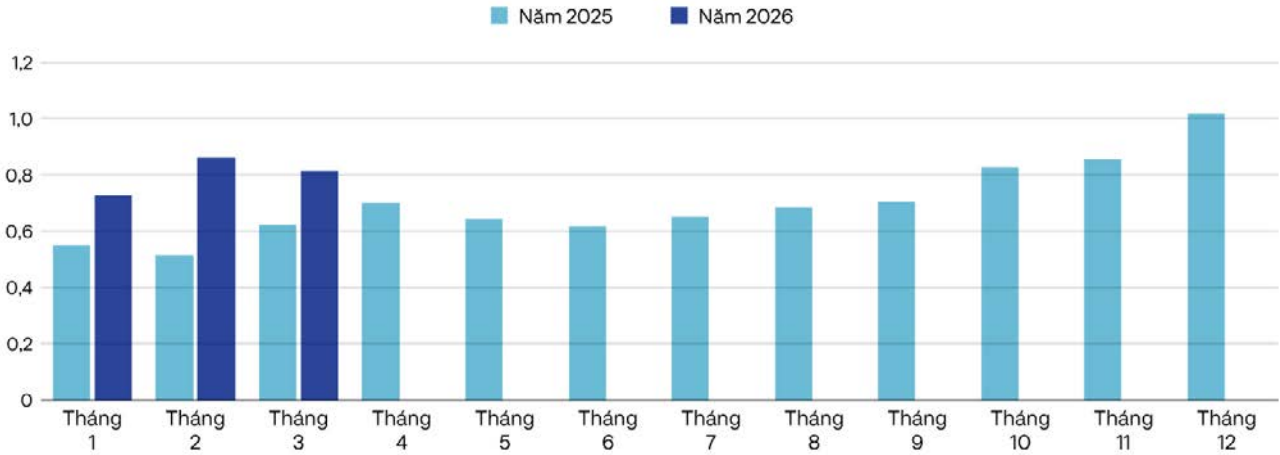
Tổng lượng bán hàng **thép thành phẩm** đạt **8,66 triệu tấn**, tăng **15,5%** so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù xuất khẩu gặp khó khăn do các rào cản phòng vệ thương mại tại thị trường quốc tế, nhưng kênh tiêu thụ nội địa đã trở thành bệ đỡ chính cho toàn ngành. Ngoại trừ tôn mạ ghi nhận mức tăng trưởng âm, các mặt hàng chủ lực khác như thép xây

dựng (tăng 29,1%), thép cán nóng HRC (tăng 24%), thép cán nguội (tăng 17%) và ống thép (tăng 10%) đều đóng góp tích cực vào tổng doanh số bán hàng quý I.

Đáng chú ý nhất là sự bùng nổ của **thép xây dựng** với tổng doanh số quý I đạt hơn **3,97 triệu tấn**, tăng mạnh **29,1%** so với cùng kỳ năm 2025 (**Biểu đồ 8, 9, 10**).

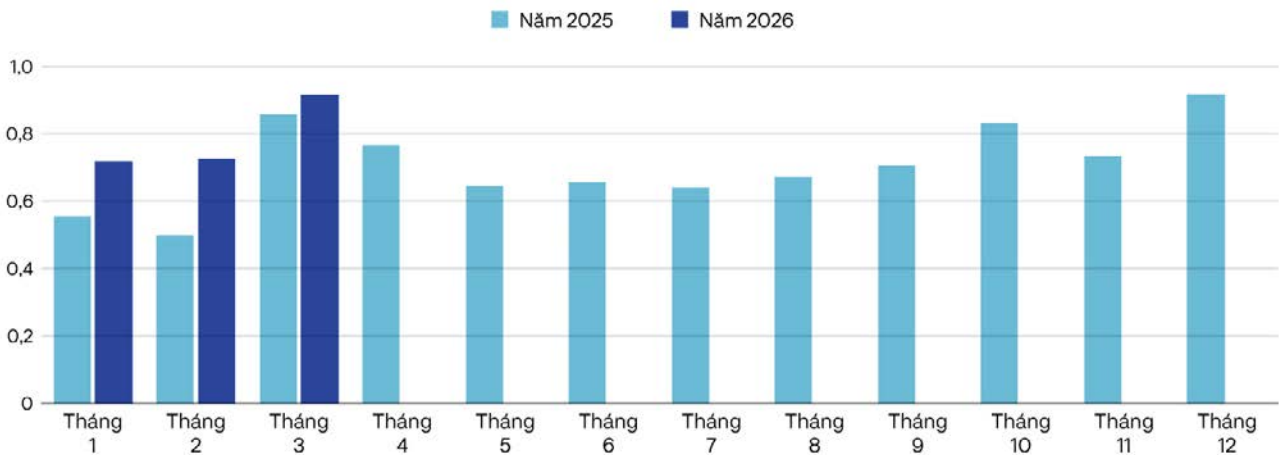
**Biểu đồ 8: Sản lượng thép xây dựng từ tháng 1/2025 đến tháng 3/2026**

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: VSA, H.Mĩ tổng hợp.



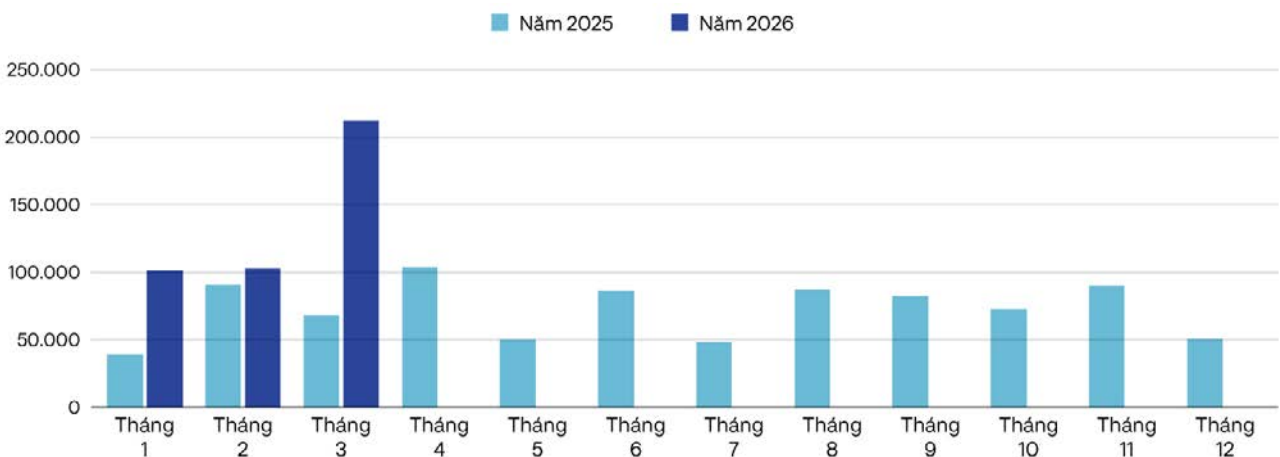
**Biểu đồ 9: Bán hàng thép xây dựng từ tháng 1/2025 đến tháng 3/2026**

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: VSA, H.Mĩ tổng hợp.



**Biểu đồ 10: Xuất khẩu thép xây dựng từ tháng 1/2025 đến tháng 3/2026**

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: VSA, H.Mĩ tổng hợp.



Theo đánh giá từ đại diện các doanh nghiệp đầu ngành và hiệp hội, có bốn nguyên nhân chính lý giải cho sự tăng trưởng vượt bậc này:

- **Động lực từ đầu tư công:** Việc giải ngân vốn đầu tư công được thúc đẩy mạnh mẽ ngay từ đầu năm với kết quả thực hiện đến hết ngày 31/3 đạt 11% kế hoạch, cao hơn khoảng 29.981 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia như cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2 và sân bay Long Thành tiếp tục là những “hộ tiêu thụ” thép xây dựng lớn.
- **Sự khởi động của các dự án bất động sản:** Lãnh đạo Tập đoàn Hòa Phát nhận định, do lượng bán hàng của các dự án bất động sản trong năm ngoái rất tốt nên từ năm 2026 trở đi là thời điểm các chủ đầu tư đẩy mạnh xây dựng thực tế để bàn giao, tạo ra nhu cầu thép thực tế tăng cao.
- **Phát triển nhà ở xã hội:** Chính phủ đang quyết liệt thúc đẩy đề án xây dựng ít nhất 1 triệu căn nhà ở xã hội, riêng chỉ tiêu năm 2026 là 158.723 căn, trở thành động lực quan trọng cho phân khúc thép dân dụng thay vì các dự án bất động sản cao cấp đang có dấu hiệu chững lại.

- **Yếu tố giá và tâm lý tích trữ:** Trong Quý I, giá thép xây dựng có xu hướng tăng mạnh từ 4-6 lần (tổng mức tăng từ 1.200 - 1.450 đồng/kg) do áp lực chi phí đầu vào tăng. Điều này đã thúc đẩy các nhà phân phối và đại lý đẩy mạnh tích trữ hàng hóa tồn kho để tìm kiếm lợi nhuận và phục vụ các dự án đang triển khai, dẫn đến tình trạng khan hiếm cục bộ tại một số nhà máy trong tháng (**Bảng 4**).

#### d. Xuất khẩu

Hoạt động xuất khẩu thép thành phẩm của Việt Nam trong tháng 3 và quý I/2026 ghi nhận những diễn biến trái chiều giữa các chủng loại sản phẩm, trong bối cảnh toàn ngành đang phải đối mặt với các rào cản phòng vệ thương mại ngày càng gia tăng từ thị trường quốc tế.

Trong tháng 3/2026, lượng xuất khẩu thép thành phẩm các loại đạt hơn 536.000 tấn, ghi nhận mức tăng trưởng mạnh 36,57% so với tháng 2/2026 và tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2025. Đáng chú ý, mặt hàng thép cán nóng (HRC) có sự bứt phá ngoạn mục khi sản lượng xuất khẩu tăng gấp 3,1 lần so với tháng 3/2025. Một trọng những động lực cho xuất khẩu HRC tháng 3 đến từ tình hình căng thẳng chiến sự khiến xuất khẩu phiếm (slab) của

**Bảng 4: Bán hàng thép thành phẩm trong tháng 3 và lũy quý I năm 2026**

Nguồn: VSA.

	Tháng 3/2026		Quý I/2026	
	Bán hàng (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái	Bán hàng (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái
Thép xây dựng	1.500.065	▲ 16%	3.970.125	▲ 29%
Thép cán nóng (HRC)	916.417	▲ 7%	2.360.616	▲ 24%
Thép cán nguội (CRC)	252.925	▲ 8%	574.617	▼ 17%
Tôn mạ	433.882	▲ 5%	1.064.804	▼ 11%
Ống thép	277.635	▲ 28%	691.412	▲ 10%
Tổng cộng	3.380.924	▲ 12%	8.661.574	▲ 15%

Iran giảm mạnh. Các khách hàng nhập khẩu của Iran không thể mua phôi tấm để cán ra nên họ đành phải tăng cường nhập khẩu HRC thành phẩm. Điều này giúp xuất khẩu HRC của Việt Nam tăng mạnh.

Tuy nhiên, nhiều mặt hàng chủ lực khác lại sụt giảm sâu so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể: thép xây dựng đạt 108.555 tấn (giảm 27,1%), tôn mạ đạt 103.654 tấn (giảm 28,6%) và thép cán nguội đạt 73.869 tấn (giảm 5,8%). Ngược lại, ống thép duy trì đà tăng với sản lượng xuất khẩu đạt 38.079 tấn, tăng 18,9%.

Tính chung quý I/2026, tổng lượng xuất khẩu thép thành phẩm đạt hơn 1,298 triệu tấn, sụt giảm 8,2% so với Quý I/2025.

Điểm sáng duy nhất trong quý là thép cán nóng (HRC) với sản lượng xuất khẩu đạt 416.000 tấn, tăng hơn 2 lần và ống thép tăng 6,9% (**Bảng 5**).

Về thị trường, ASEAN tiếp tục là khu vực xuất khẩu thép lớn nhất của Việt Nam, chiếm tỷ trọng 35%, theo sau là Mỹ (19%), EU (17%), Ấn Độ (7%) và Thổ Nhĩ Kỳ (4%).

## 2 Diễn biến giá

### Giá nguyên liệu thép

Thị trường nguyên liệu sản xuất thép trong Quý I/2026 ghi nhận xu hướng biến động tăng liên tục từ cuối tháng 2, gây áp lực lớn lên biên lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất. Cụ thể:

- **Quặng sắt:** Giá quặng sắt loại 62% Fe bình quân trong tháng 3/2026 ở mức 105,9 USD/tấn, tăng 3,7% so với tháng trước. Tính chung Quý I/2026, mức giá bình quân đạt 103,2 USD/tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2025.
- **Than mỡ luyện cốc:** Sau giai đoạn ổn định đầu năm, giá than mỡ đã có sự bứt phá mạnh. Bình quân Quý I/2026 đạt 185,4 USD/tấn, tăng tới 26,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 18,1% so với Quý IV/2025. Riêng giá giao dịch tại ngày 31/3/2026 đã chạm mốc 240 USD/tấn.
- **Thép phế liệu:** Giá thép phế nội địa trong tháng 3 tăng từ 400 - 600 VNĐ/kg, dao động trong khoảng 9.400 đến 10.100 VNĐ/kg. Trên thị trường quốc tế, giá thép phế liệu bình quân Quý I/2026 ở mức 361,7 USD/tấn, tăng 2,3% so với quý trước đó (**Bảng 6**).

**Bảng 5: Xuất khẩu thép thành phẩm trong tháng 3 và lũy quý I năm 2026**

Nguồn: VSA.

	Tháng 3/2026		Quý I/2026	
	Xuất khẩu (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái	Xuất khẩu (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái
Thép xây dựng	108.555	▼ 27%	335.502	▼ 26%
Thép cán nóng (HRC)	211.909	▲ 211%	416.013	▲ 110%
Thép cán nguội (CRC)	73.869	▼ 6%	170.487	▼ 17%
Tôn mạ	103.654	▼ 29%	282.800	▼ 40%
Ống thép	38.079	▲ 19%	93.500	▲ 7%
Tổng cộng	536.066	▲ 13%	1.298.302	▼ 8%

**Bảng 6: Giá bình quân các loại nguyên liệu thép**

Nguồn: VNSteel tổng hợp tháng 4/2026.

Mặt hàng	BQ Tháng 3/2025	BQ Quý I/2025	BQ Tháng 3/2026	BQ Quý I/2026	Quý I/2026 so với Quý IV/2025	Quý I/2026 so với Quý I/2025	Giá hiện tại
Quặng sắt 62% Fe CFR Bắc TQ	101,4	103,2	105,9	105,1	▲ 0,5%	▲ 1,8%	106,5
Thép phế HMS 1/2 80:20, ĐÁ	175,2	185,4	225,2	235,1	▲ 18,1%	▲ 26,8%	240,0
Phôi thép, ĐNÁ	367,5	361,7	370,0	359,2	▲ 2,3%	▼ 0,7%	397,0
Thép xây dựng, ĐNÁ	462,5	459,3	482,7	466,4	▲ 3,9%	▲ 1,5%	490,0
HRC SAE1006, ĐNÁ	495,6	490,0	529,6	510,6	▲ 3,6%	▲ 4,2%	554,0

### Giá thép cuộn cán nóng (HRC)

Thị trường HRC chứng kiến sự điều chỉnh tăng giá mạnh mẽ từ các nhà sản xuất lớn trong nước nhằm bám sát xu hướng đi lên của giá thép thế giới và bù đắp chi phí nguyên liệu đầu vào.

- Tháng 3/2026: Giá HRC bình quân đạt 529,6 USD/tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2025. Đến cuối tháng 3, giá chào HRC giao dịch tại cảng Đông Á đã tăng lên mức 554 USD/tấn.
- Quý I/2026: Mức giá bình quân Quý I đạt 490 USD/tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, vào đầu tháng 4, các nhà máy lớn như Hòa Phát và Formosa Hà Tĩnh đã tiếp tục công bố tăng giá chào HRC thêm khoảng 900 VNĐ/kg, đưa mức giá lên dao động từ 14.209 đến 14.479 VNĐ/kg (chưa VAT).

### Giá thép xây dựng nội địa

Giá thép xây dựng trong quý I/2026 đối mặt với hiện tượng “chi phí đẩy” rõ rệt do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng năng lượng và xung đột tại Trung Đông làm tăng chi phí logistics và vận tải.

- **Biến động trong tháng 3:** Các nhà máy đã có ít nhất 3 lần điều chỉnh tăng giá với tổng mức tăng phổ biến từ 800 - 1.000 đồng/kg tùy chủng loại. Riêng tuần thứ 4 của tháng 3, thị trường xác lập đợt tăng đồng loạt với mức tăng 200.000 đồng/tấn đối với thép cuộn và 300.000 đồng/tấn đối với thép cây.
- **Tổng kết Quý I/2026:** Giá thép xây dựng đã có từ 4 đến 6 lần điều chỉnh tăng, với tổng mức tăng lũy kế dao động từ 1.200 - 1.450 đồng/kg (tương đương tăng 10-13% so với cùng kỳ năm 2025).
- **Mặt bằng giá hiện tại:** Sau các đợt điều chỉnh, giá thép xây dựng (đã bao gồm chiết khấu, chưa VAT) phổ biến ở mức 15.100 - 15.250 đồng/kg đối với thép cuộn và 15.200 - 15.700 đồng/kg đối với thép cây (**Biểu đồ 11**).

**Biểu đồ 7: Diễn biến giá thép xây dựng CB300 từ năm 2020 đến tháng 4/2025**

Đơn vị: triệu đồng/tấn. Nguồn: VSA.



### 3 Dự báo

#### Dự báo về nhu cầu tiêu thụ: Duy trì đà tăng trưởng tích cực

Thị trường thép xây dựng được dự báo sẽ tiếp tục duy trì trạng thái khả quan ít nhất đến hết Quý II và có thể kéo dài sang Quý III năm 2026. Chúng tôi cho rằng có ba động lực chính thúc đẩy nhu cầu:

- **Điểm rơi của các dự án bất động sản:** Do lượng bán hàng của các dự án bất động sản trong năm 2025 rất tốt, nên từ năm 2026 trở đi là thời điểm các chủ đầu tư bắt đầu triển khai xây dựng thực tế để bàn giao, tạo ra nhu cầu tiêu thụ thép rất lớn.
- **Đầu tư công làm bộ đỡ:** Việc giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 với kế hoạch hơn 1 triệu tỷ đồng (tăng đáng kể so với năm 2025) sẽ là yếu tố hỗ trợ quan trọng. Các dự án hạ tầng chiến lược như cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2 và sân bay Long Thành tiếp tục là những điểm tiêu thụ trọng điểm.
- **Cú hích từ nhà ở xã hội:** Động lực tiêu thụ thép trong thời gian tới dự kiến không nằm ở

phần khúc bất động sản cao cấp (đang có dấu hiệu bán hàng chậm) mà tập trung vào các dự án nhà ở xã hội với chỉ tiêu xây dựng hơn 158.000 căn trong năm 2026.

#### Dự báo về giá bán: Áp lực sớm chạm mốc 16 triệu đồng/tấn

Mặt bằng giá thép nội địa dự báo sẽ tiếp tục chịu áp lực tăng mạnh trong Quý II/2026 do tác động của hiện tượng “chi phí đẩy”.

- **Biến số khó lường từ địa chính trị:** Căng thẳng tại Trung Đông làm dấy lên lo ngại về khủng hoảng năng lượng toàn cầu, khiến giá dầu và chi phí logistics tăng cao. Nếu xung đột không hạ nhiệt, giá thép xây dựng bán tại nguồn có thể sớm chạm mốc 16 triệu đồng/tấn.
- **Chi phí nguyên liệu đầu vào:** Do Việt Nam phụ thuộc lớn vào nhập khẩu quặng sắt và thép phế, giá thép trong nước sẽ phản ứng nhạy bén với sự gia tăng của giá nguyên liệu thế giới (vốn đã tăng từ 7-9% chỉ trong tháng 3).
- **Giá bán và tiêu thụ HRC:** Giá HRC có thể tăng mạnh trong thời gian tới khi giá Việt Nam vẫn đang ở “vùng trũng” trên thế giới. Trong

khi đó, nhu cầu HRC có thể tăng mạnh trong thời gian khi lượng hàng nhập khẩu đã sử dụng hết và mức thuế CBPG thép HRC khổng lồ có hiệu lực.

### Diễn biến thị trường ngắn hạn

- **Giai đoạn cao điểm:** Khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 5 (trước mùa mưa) được dự báo là giai đoạn tiêu thụ tốt nhất trong năm khi các công trình bắt tay vào thi công thực tế.

- **Tâm lý thị trường:** Xu hướng giá tăng sẽ tiếp tục thúc đẩy các nhà phân phối và đại lý đẩy mạnh tích trữ tồn kho để tìm kiếm lợi nhuận, điều này giúp duy trì đà tiêu thụ cho các nhà máy. Tuy nhiên, nếu giá quay đầu giảm, thị trường có thể chứng kiến ngắn hạn trong từ 1-3 tháng do tâm lý đẩy hàng tồn kho để cắt lỗ. ■

Phần V:

# Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành



**Doanh nghiệp sản xuất thép như Hoà Phát tiếp tục ghi nhận một quý kinh doanh khả quan. Trái lại bức tranh kinh doanh nhóm tôn mạ tiếp tục âm đạm trong bối cảnh xuất khẩu suy yếu do chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và sự cạnh tranh gay gắt từ thép Trung Quốc trên thị trường quốc tế.**

### **Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành**

#### **Tập đoàn Hoà Phát (Mã: HPG)**



Ba tháng đầu năm, doanh thu thuần của Hoà Phát là 52.901 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ.

Trong kỳ nhờ khoản lãi đột biến từ chuyển nhượng vốn góp tại công ty (4.916 tỷ) đồng thời sản lượng thép gia tăng đi cùng giá vốn và giá bán tốt giúp Hoà Phát báo lãi sau thuế 9.056 tỷ đồng, tăng 170% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tăng 169% lên 8.994 tỷ.

Biên lợi nhuận gộp quý I đạt khoảng 16% và biên lợi nhuận ròng từ hoạt động kinh doanh thông thường đạt 10%, cải thiện so với mức 14% và 8% cùng kỳ năm ngoái và mức 14% và 8,5% quý IV/2025.

Trong quý I/2026, Hoà Phát đã sản xuất 3,3 triệu tấn thép thô (phôi thép), tương đương mức tăng 25% so với cùng kỳ năm 2025 và tăng 8% so với quý IV/2025.

Về sản lượng bán hàng, doanh nghiệp cho biết các sản phẩm như thép xây dựng, thép cuộn chất lượng cao, thép cuộn cán nóng (HRC) và phôi thép đạt 3 triệu tấn, tăng 26% so với cùng kỳ.

Cụ thể, danh mục thép xây dựng và thép cuộn chất lượng cao ghi nhận 1,4 triệu tấn, lần lượt

tăng 20% so với quý I/2025 và 8% so với quý IV/2025.

Bên cạnh đó, thép cuộn cán nóng (HRC) đạt sản lượng bán ra hơn 1,4 triệu tấn, tương đương tăng 48% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo Hoà Phát, hiện sản lượng tiêu thụ HRC tại thị trường trong nước chiếm gần 80%, phần còn lại là xuất khẩu.

Hoà Phát đã xuất khẩu thép cuộn cán nóng tới 20 quốc gia và vùng lãnh thổ tại châu Á, châu Âu, châu Mỹ và châu Phi.

Doanh nghiệp hiện đang sản xuất và cung cấp cho thị trường trong nước cũng như xuất khẩu nhiều loại sản phẩm chế biến khác như ống thép, tôn mạ, thép dự ứng lực các loại.

Quý I, Hoà Phát đã cung cấp 241.000 tấn ống thép và 106.000 tấn tôn mạ, tương ứng tăng trưởng 30% và 19% so với cùng kỳ. Đối với thép dự ứng lực và thép rút dây các loại, sản lượng đạt hơn 62.000 tấn, tăng 63% so với cùng kỳ năm 2025.

#### **Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (VNSteel - Mã: TVN)**



Quý I, VNSteel ghi nhận doanh thu thuần 13.658 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm ngoái.

Biên lợi nhuận gộp đạt 4,9%, cải thiện so với mức 3,7% của quý I/2025.

Trong quý I, các đơn vị có sự tăng trưởng nhẹ về sản lượng tiêu thụ nên lợi nhuận gộp tăng 79% so với cùng kỳ năm 2025. Đồng thời cũng làm tăng chỉ phí bán hàng (tăng 110%) và chi phí quản lý doanh nghiệp (tăng 47%) so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hoạt động tài chính giảm 45% so với cùng kỳ năm trước còn 80 tỷ do chỉ tiêu cổ

tức, lợi nhuận được chia của một số công ty con giảm và một số chỉ tiêu khác.

Trái lại, chi phí tài chính tăng 45% do ảnh hưởng của lãi vay ngân hàng và tiền lãi mua hàng chậm trả tăng tại các đơn vị.

Chỉ tiêu lợi nhuận của các công ty liên doanh, liên kết là 47 tỷ so với mức lỗ 32 tỷ cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng từ kết quả kinh doanh của các đơn vị.

Trừ đi các chi phí, VNSteel báo lãi sau thuế 184 tỷ đồng, tăng 82% so với cùng kỳ.

### CTCP Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG)



Quý II niên độ 2025 - 2026 của Hoa Sen ghi nhận doanh thu thuần 8.967 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ và tăng 7% so với quý trước.

Tập đoàn lãi sau thuế 119 tỷ đồng, giảm 42% so với cùng kỳ.

Về sản lượng, sản lượng xuất khẩu nửa đầu năm giảm mạnh 45% so với cùng kỳ, qua đó phản ánh chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và sự cạnh tranh từ thép Trung Quốc trên thị trường quốc tế, trong khi tăng trưởng nhu cầu trong nước (+7%) không đủ để bù đắp mức giảm của xuất khẩu.

Đáng chú ý, doanh thu quý II năm tài chính 2026 cải thiện cả so với quý trước và so với cùng kỳ dù sản lượng thấp hơn, cho thấy giá bán trung bình (ASP) tăng theo cả chu kỳ quý và năm.

Biên lợi nhuận gộp quý II năm tài chính 2026 cải thiện so với quý trước và tăng 11,7% (từ mức 11,2% trong quý I, nhưng giảm so với mức nền cao 12,7% trong quý II năm tài chính 2025 – vốn được hỗ trợ tạm thời bởi hoàn nhập dự phòng).

Nửa đầu niên độ, Hoa Sen đạt doanh thu thuần 17.350 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế là 181 tỷ, chỉ bằng một nửa cùng kỳ.

### CTCP Thép Nam Kim (Mã: NKG)



Trong quý I, doanh thu thuần của Nam Kim giảm 20% so với cùng kỳ còn 3.261 tỷ nhưng tăng nhẹ 4% so với quý IV/2025. Kết quả kém tích cực này do sản lượng bán hàng thấp hơn, với tổng sản lượng giảm 36% so với cùng kỳ (trong nước -4%, xuất khẩu -71%) và giảm 27% so với quý IV/2025 (trong nước -19%, xuất khẩu -45%).

Hoạt động xuất khẩu tiếp tục suy yếu là do chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và sự cạnh tranh gay gắt từ thép Trung Quốc trên thị trường quốc tế.

Nam Kim ghi nhận biên lợi nhuận gộp quý I đạt 2,6%, giảm từ mức 6,4% trong quý I/2025 và tăng nhẹ từ mức 2,3% trong quý IV/2025.

Theo chia sẻ của ban lãnh đạo tại ĐHCĐ năm 2026, mặc dù kết quả kinh doanh quý I yếu, kết quả quý II được kỳ vọng sẽ tích cực hơn khi Nam Kim tận dụng được lợi ích từ việc giá thép tăng.

Dù đã có những nỗ lực tối ưu hóa chi phí, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý I/2026 vẫn ghi nhận mức lỗ 17 tỷ đồng. Mức lỗ đã thu hẹp khoảng một nửa so với quý trước, nhưng đây vẫn được ghi nhận là kết quả kém tích cực.

Lợi nhuận sau thuế của Nam Kim đạt 21 tỷ quý đầu năm, bằng 1/3 cùng kỳ năm 2025. ■

# Phụ lục

## NGUỒN THAM KHẢO

Hiệp hội Thép Việt Nam  
Hải quan Việt Nam  
Hải quan Trung Quốc  
Investing  
GMK Center

Bộ Công Thương  
SteelOnline  
Reuters

## BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường thép quý I/2026” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

## GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

## ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường thép năm 2025
- Báo cáo thị trường thép tháng 1/2026
- Báo cáo thị trường thép tháng 2/2026

## THỰC HIỆN:

Nội dung: **H.Mĩ , Hoàng Kiều, Lan Hương**

Thiết kế: **Vân Miên**

## MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

**Mrs. Trịnh Huyền Trang**

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

**Hotline:** 099 522 2999

**Email:** info@vietnambiz.vn



**Địa chỉ:** Lầu 5 - Tòa nhà COMPA Building - 293 Điện Biên Phủ - Phường Gia Định - TP Hồ Chí Minh

**Chi nhánh:** Số 5 - ngõ 38A - Phố Trần Phú - Phường Ba Đình - TP Hà Nội

**Hotline:** 0938.1892224

Email: [info@vietnambiz.vn](mailto:info@vietnambiz.vn)

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP